

ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI QUA KÊNH NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN / *TERMS & CONDITIONS ON OVERSEAS OUTWARD REMITTANCE VIA ONLINE BANKING*

(Đính kèm “Giấy đề nghị dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” dành cho khách hàng tổ chức / *enclosed with the “Application for Overseas outward remittance via online banking” applicable to institutional customers*)

Điều 1: Giải thích từ ngữ / *Article 1: Interpretations*

1. **Khách hàng:** là tổ chức mở tài khoản thanh toán, đăng ký sử dụng dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến tại Eximbank, sau đây thống nhất gọi là Bên A / *Customer: the entity opening current account and registering to use the overseas outward remittance service via online banking at Eximbank, hereinafter referred to as Party A.*
2. **Eximbank:** là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam, sau đây thống nhất gọi là Bên B / *Eximbank: Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank, hereinafter referred to as Party B.*
3. **Tài khoản thanh toán:** là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Bên A mở tại Bên B để sử dụng các dịch vụ thanh toán do Bên B cung ứng / *Current account: the non-term deposit account maintained by Party A with Party B for use of its payment services.*
4. **Ngân hàng trực tuyến:** là các dịch vụ KH truy vấn, thực hiện giao dịch trên ứng dụng điện thoại (Mobile Applications), và/hoặc trình duyệt Web (Web browser) cài đặt trên điện thoại di động, hoặc thiết bị có kết nối internet / *Online banking: the services inquired or transactions executed by customers on the mobile application and/or web browser installed on mobile phone or Internet-connected gadgets.*
5. **Dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài:** là hoạt động thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài theo các mục đích thanh toán phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế thông qua hệ thống Swift / *Overseas outward remittance: the payment or transfer of money overseas through SWIFT for payment purposes in accordance with Vietnamese law and international practices.*
6. **SWIFT:** là hệ thống điện tử liên ngân hàng toàn cầu và là kênh chính thức trong việc gửi và nhận các điện giao dịch thanh toán ngoại tệ ra nước ngoài giữa Eximbank với các ngân hàng trong và ngoài nước / *SWIFT: the worldwide interbank electronic system which is the official channel for transmission and receipt of transactions of overseas payments in foreign currencies between Eximbank and local and foreign banks.*

7. **Hợp đồng, Hợp đồng dịch vụ:** trừ các “Hợp đồng” được yêu cầu kèm theo hồ sơ, chứng từ của khách hàng; trong văn bản này, tùy vào ngữ cảnh sẽ được hiểu là “Giấy đăng ký dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” kèm “Điều kiện, điều khoản dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến”; và/hoặc “Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến” kèm “Điều khoản quy định sử dụng ngân hàng trực tuyến của Eximbank”, bao gồm các hướng dẫn sử dụng dịch vụ, thông báo liên quan đến từng dịch vụ được công bố trên website www.eximbank.com.vn hoặc tại các quầy giao dịch của Eximbank và các sửa đổi, bổ sung của Eximbank từng thời kỳ cấu thành thỏa thuận giữa chúng tôi và Eximbank về dịch vụ ngân hàng trực tuyến / *Service contract or agreement: except for those “contracts” required for customers’ documents or files, understood as, “Application for Overseas outward remittance via online banking” together with “Terms and conditions on Overseas outward remittance via online banking”; and/or “Application for Online banking services” together with “Terms on use of online banking of Eximbank”, including the service manuals and notices respective to each service as published on the website www.eximbank.com.vn or placed at Eximbank counters and their amendments or supplements from time to time constituting the agreement between us and Eximbank upon online banking services, as the case may be.*

Điều 2: Nội dung Dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến
/ Article 2: Details of the Overseas outward remittance service via online banking

1. Bên A đề nghị và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến theo các thông tin đã đăng ký với Bên B / *Party A requests and Party B agrees to supply the overseas outward remittance via online banking against the information registered with Party B.*
2. Quy định của dịch vụ/*Service requirements:*
 - a) Bên A phải mở tài khoản thanh toán, đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến và đăng ký sử dụng dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài trên kênh ngân hàng trực tuyến tại Bên B khi thực hiện chuyển tiền trên kênh ngân hàng trực tuyến của Bên B, và phải tuân theo quy định của Bên B, quy định của pháp luật về giao dịch trực tuyến / *Party A shall maintain a current account and register to use the overseas remittance service via online banking with Party B upon making money transfer on its online banking platform, and comply with Party B’s regulations and law on online transactions.*
 - b) Giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài được duyệt qua các cấp xác thực và hạn mức đã đăng ký tại hợp đồng dịch vụ ngân hàng trực tuyến, phù hợp với quy định của pháp luật và của Bên B trong từng thời kỳ / *Overseas outward remittance transactions must be verified by competent authorities and within the limit registered in the online*

banking service agreement in conformity with law and Party B's regulations from time to time.

- c) Yêu cầu đối với Lệnh chuyển tiền, chứng từ đính kèm Lệnh chuyển tiền / *Requirements for remittance orders and supporting documents:*
- (i) Lệnh chuyển tiền: là chứng từ điện tử, được Bên A tạo lập và duyệt qua các cấp xác thực đã đăng ký tại hệ thống ngân hàng trực tuyến của Bên B, tuân thủ theo quy định của Eximbank về chứng từ điện tử / *Remittance orders: documents in electronic form, created by Party A and verified by competent authorities as registered in the online banking system of Party B, in compliance with Eximbank regulations on e-documents.*
- (ii) Chứng từ đính kèm lệnh chuyển tiền: là hồ sơ, chứng từ dạng file scan và gửi kèm theo lệnh chuyển tiền, phải thông qua các cấp xác thực tương tự của Lệnh chuyển tiền để gửi vào hệ thống của Bên B và được lưu trữ kèm theo lệnh chuyển tiền tại hệ thống dữ liệu của Bên B. Các chứng từ đính kèm lệnh chuyển tiền yêu cầu bắt buộc phải là định dạng file PDF được scan màu, bao gồm / *Documents supporting remittance orders: documents in scanned files and enclosed with payment orders, which shall be verified by the same authorities as those of payment orders, transmitted to Party B's system, and stored together with payment orders in Party B's data system. Such documents must be color scanned in *.pdf format, including:*
- Hợp đồng hoặc các văn bản tương đương hợp đồng, hóa đơn được scan từ bản gốc của Bên A / *Contract or similar instruments, and invoices which are scanned from the original copies of Party A;*
 - Hồ sơ, chứng từ được phát hành bởi các cơ quan chức năng, chuyên môn của Việt Nam hoặc nước ngoài (không bao gồm bộ chứng từ giao nhận hàng hóa) được scan từ bản gốc hoặc bản sao y chứng thực / *Documents issued by regulatory or professional agencies of Vietnam or overseas (excluding sets of goods delivery and receipt documents), which are scanned from the original copies or certified photocopies;*
 - Tờ khai hải quan, vận tải đơn, chứng từ khác,... được scan từ bản gốc/bản sao y / *Customs declarations, bills of lading, or otherwise etc., which are scanned from the original/photocopied documents.*
 - Các chứng từ khác do Bên B quy định / *Others as specified by Party B.*
- (iii) Sau khi giao dịch được thực hiện, Bên A sẽ cung cấp bản gốc/bản chính/bản sao y các chứng từ đính kèm Lệnh chuyển tiền để Bên B đối chiếu và lưu trữ, được quy định cụ thể tại Điều 7 Điều kiện và Điều khoản này / *Once the transaction has been effected, Party A shall deliver the original/master copy/photocopy of documents supporting remittance orders to Party B for reconciliation and records, as provided in Article 7 hereof.*

- d) Bên B chỉ xử lý giao dịch chuyển tiền khi hồ sơ, chứng từ chuyển tiền đầy đủ và hợp lệ theo quy định của pháp luật, của Eximbank liên quan giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến. Giao dịch chưa đủ điều kiện sẽ được từ chối và ghi nhận trạng thái thất bại trên hệ thống ngân hàng trực tuyến có ghi rõ lý do và/hoặc yêu cầu cung cấp hồ sơ, chứng từ (nếu có) / *Party B shall process the transaction only against sufficient and valid documents as required by law and Eximbank with respect to overseas outward remittance via online banking. Unqualified ones shall be rejected and recorded as failed on the online banking system with clearly stated reasons, and/or request for additional provision of documents (if any).*
- e) Khi giao dịch đã được Bên A gửi thành công vào hệ thống của Bên B, giao dịch sẽ không được hủy hoặc điều chỉnh ngoại trừ có sự đồng ý của Bên B trong từng trường hợp cụ thể / *When the transaction has been successfully transmitted by Party A to Party B's system, it shall not be cancelled nor adjusted unless agreed by Party B in certain cases.*

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên A / Article 3: Rights and obligations of Party A

1. Quyền của Bên A/Rights:

- a) Được sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ / *To use the funds on its current account to conduct legitimate and eligible payment orders;*
- b) Được yêu cầu Bên B thực hiện các lệnh thanh toán phát sinh hợp pháp, hợp lệ / *To request Party B to effect the payment orders legally and validly created;*
- c) Được cung cấp thông tin và các chứng từ của giao dịch chuyển tiền bao gồm: truy vấn chi tiết lệnh chuyển tiền đã gửi, trạng thái giao dịch, giấy báo phát sinh giao dịch, giấy báo nợ/có, điện chuyển tiền ra nước ngoài, hóa đơn VAT / *To be furnished with information and documents of the remittance transaction, including details of the transmitted remittance order, transaction status, notice of transaction incurrence, debit/credit advice, overseas remittance message, and VAT invoice;*
- d) Được quyền chỉ định Chi nhánh/Phòng giao dịch của Bên B nơi tiếp nhận thỏa thuận mua bán ngoại tệ, hồ sơ chuyển tiền phù hợp theo quy định / *To designate a branch/transaction office of Party B as the place to receive the currency buying/selling agreement and remittance documents corresponding to regulations;*
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên A với Bên B không trái với quy định của pháp luật hiện hành / *Others as specified by law or previously agreed in writing between Party A and Party B which are not opposite to prevailing law.*

2. Nghĩa vụ của Bên A/Obligations:

- a) Cung cấp cho Bên B đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu trên Lệnh chuyển tiền ra nước ngoài; thông tin, số liệu liên quan hồ sơ, chứng từ chuyển tiền ra nước ngoài; và xuất trình các hồ sơ, chứng từ có liên quan, phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật / *To fully, obviously and correctly furnish information and figures on the overseas remittance order, and those relating to the overseas remittance application and documents; and to present relevant documents suitable to actual transactions to make sure that the overseas payment or remittance is performed for proper purposes and in conformity with law.*

Bên A tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, chịu các rủi ro, thiệt hại (nếu có) về Lệnh chuyển tiền; các hồ sơ, chứng từ liên quan cung cấp, xuất trình cho Bên B để chứng minh cho mục đích chuyển tiền, sử dụng ngoại tệ và thực hiện thanh toán/chuyển tiền ra nước ngoài phù hợp theo quy định của pháp luật / *Party A shall be solely responsible to law for risks or damages (if any) of remittance orders, documents provided or presented to Party B as evidences for the purposes of remittance, use of currencies and execution of payment/remittance overseas in accordance with law.*

- b) Cam kết tuân thủ quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật khác có liên quan khi thực hiện thanh toán/chuyển tiền tại Bên B / *To comply with prevailing regulations of FX control and other relevant laws when making payment/remittance at Party B.*

Cam kết cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh để được thực hiện thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài, và/hoặc khi Bên B yêu cầu / *To supply adequate documents and evidences for payment or remittance overseas and/or at Party B's request.*

- c) Cam kết hồ sơ chuyển tiền cung cấp cho Bên B chưa được thanh toán lần nào và chỉ thực hiện tại Bên B, chưa được thực hiện tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác. Tổng số tiền đã chuyển và số tiền đề nghị chuyển theo yêu cầu chuyển tiền không vượt quá số tiền cần thanh toán đối với một bộ hồ sơ / *To guarantee that the remittance documents furnished to Party B have not been settled and executed at Party B only, not any other credit institutions. The aggregate amount of money remitted and proposed in the remittance order shall not exceed the amount payable of each application.*

- d) Chịu trách nhiệm bổ sung chứng từ đầy đủ và đúng hạn theo thời hạn theo quy định của Bên B. Bên A xác nhận việc Bên A đề nghị và Bên B thực hiện thanh toán được xem là xác lập giao dịch; việc Bên A không bổ sung chứng từ đầy đủ và đúng hạn không miễn trừ trách nhiệm của Bên A đối với yêu cầu thực hiện (các) Dịch vụ/giao dịch mà Bên A đã yêu cầu Bên B thực hiện quy định của Bên B / *To fully and timely provide additional documents at the time required by Party B. Party A shall*

acknowledge its request and the payment by Party B shall be deemed establishment of the transaction. Party A's failure in fully and timely providing additional documents shall not exempt it from liability with respect to its request for other service(s)/transaction(s) to Party B in correspondence with Party B's regulations.

- e) *Đối với các giao dịch chuyển tiền có yêu cầu tờ khai hải quan nhập khẩu, cam kết tờ khai hải quan nhập khẩu đã được thông quan hợp lệ và Bên A đã nhận đúng, đủ hàng hóa được khai báo theo tờ khai hải quan cung cấp cho Bên B / *To undertake, in case customs declarations are required, that the customs declarations have been duly cleared and Party A has accurately and sufficiently received the goods as declared in the customs declarations provided to Party B.**
- f) *Cam kết thông tin trên tờ khai hải quan hoàn toàn đúng với hóa đơn và chịu trách nhiệm nếu có sai sót, nhầm lẫn. Bên A chịu mọi rủi ro bao gồm cả thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không thống nhất / *To undertake that the information on customs declarations is consistent with invoices and to take responsibility in any mistakes or errors. Party A shall bear all risks, including financial losses and costs arisen out of the supply of wrong or inconsistent information.**
- g) *Thanh toán cho Bên B đầy đủ các khoản phí dịch vụ theo quy định của Bên B và các khoản phí phát sinh do Ngân hàng nước ngoài thu (nếu có) / *To pay all service charges applied by Party B and other arisen fees as may be collected by foreign banks (if any).**
- h) *Xuất trình Giấy phép/Hạn ngạch nhập khẩu cho Bên B trong trường hợp mặt hàng nhập khẩu cần có Giấy phép nhập khẩu/Hạn ngạch nhập khẩu theo quy định của pháp luật / *To present to Party B the import permit/quota if required for the underlying goods in accordance with law.**
- i) *Xác nhận giao dịch chuyển tiền không liên quan đến giao dịch rửa tiền, gian lận thương mại, trốn thuế. Bên A chịu mọi rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra nếu các thông tin cung cấp trên Lệnh chuyển tiền ra nước ngoài, hồ sơ, chứng từ xuất trình cho Bên B vi phạm chính sách cấm vận của Mỹ và/ hoặc bất kỳ quốc gia nào và/ hoặc bất kỳ tổ chức nào áp đặt với người hưởng và/ hoặc ngân hàng trung gian, ngân hàng của người hưởng và/ hoặc quốc gia liên quan / *To confirm that the remittance transaction is of no involvement in money laundering, trade frauds or tax evasion. Party A shall bear all possible risks and damages if the information stated in the overseas remittance order, application and documents furnished to Party B is in violation of the sanctions imposed by the US and/or any countries and/or organizations on beneficiaries and/or intermediary banks, beneficiary banks and/or related countries.**
- j) *Xác nhận giao dịch không thuộc các giao dịch có nghi vấn hoặc liên quan đến quốc gia, tổ chức, cá nhân thuộc danh sách cấm vận quốc tế hoặc có liên quan đến khủng*

bổ và tài trợ khủng bố / *To confirm that the transaction is not suspicious or involved in any country, organization or individual in international sanction lists or related to terrorism and terrorist financing.*

- k) Xác nhận hàng hóa, dịch vụ hay sản phẩm được mô tả trong hóa đơn, chứng từ hoặc hợp đồng thương mại là những hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm không thuộc trường hợp cấm theo quy định của pháp luật, không thuộc danh mục cấm nhập khẩu hoặc tạm ngưng nhập khẩu theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Chịu mọi trách nhiệm có liên quan đến lệnh chuyển tiền đã thực hiện, tuân thủ mọi quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và các điều kiện, điều khoản của Bên B tại “Giấy đăng ký dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” kèm “Điều kiện, điều khoản dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” / *To acknowledge that the goods, services or products described in invoices, documents or trade agreements are those not prohibited by law, banned or suspended from import in accordance with Vietnames current law; and to assume all responsibility connecting to the performed remittance order, and observe the current regulations of the State Bank and the terms and conditions set out by Party B in the “Application for Overseas outward remittance via online banking” together with “Terms & conditions on Overseas outward remittance via online banking”.*

Đồng ý và cam kết tuân thủ các quy định sử dụng ngân hàng trực tuyến của Eximbank và tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật liên quan giao dịch thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài / *To agree and undertake to comply with Eximbank regulations on online banking use as well as relevant laws on e-transactions with connection to overseas payment or remittance transactions.*

- l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận trước bằng văn bản giữa Bên A và Bên B không trái với quy định pháp luật hiện hành / *Others as specified by law or previously agreed in writing between Party A and Party B which are not opposite to prevailing law.*

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B / *Article 4: Rights and obligations of Party B*

1. Quyền của Bên B/*Rights:*

- a) Được kéo dài hoặc từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Bên A mà không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp / *To delay or reject the execution of Party A’s payment order without any liability if:*
- (i) Tài khoản thanh toán không có đủ số dư để thực hiện lệnh thanh toán, thu phí dịch vụ và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) / *The current account balance is insufficient to effect the payment order and collect service charge and other financial obligations (if any);*

- (ii) Bên A vi phạm quy định tại Hợp đồng dịch vụ ngân hàng trực tuyến / *Party A breaches the provisions of the Agreement on online banking service;*
 - (iii) Bên A không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không hợp lệ, không cung cấp đủ các chứng từ chứng minh mục đích chuyển tiền theo yêu cầu của Bên B, không tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối / *Party A does not fully accommodate the requirements on payment procedures or payment order, provide sufficient documents evidencing the remittance purpose at Party B's request, nor obey with the law on FX control;*
 - (iv) Bên A và Bên B chưa thỏa thuận được tỷ giá mua bán ngoại tệ trong trường hợp Bên A yêu cầu Bên B bán ngoại tệ để chuyển tiền / *Party A and Party B fail to agree on the currency selling rate in case Party A requests Party B to sell foreign currency for remittance;*
 - (v) Bên B cho rằng chứng từ giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc có bất kỳ dấu hiệu nghi ngờ về tính xác thực, giả mạo của hồ sơ, chứng từ giao dịch / *Party B believes that the transaction documents show sign of law violation, or any signs where their authenticity is suspicious;*
 - (vi) Bên B có cơ sở cho rằng việc thực hiện lệnh thanh toán cho Bên A có khả năng phát sinh rủi ro / *Party B has grounds to believe that the execution of Party A's payment order is likely to cause risks;*
 - (vii) Các trường hợp khác theo quyết định của Bên / *Others at Party B's discretion.*
- b) Bên B không chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại và/hoặc khiếu nại, tranh chấp (nếu có) phát sinh cho Bên A hoặc cho bên thứ ba có liên quan đến Bên A do việc Bên B thực hiện quyền của mình được quy định tại Hợp đồng này bao gồm cả việc Bên B kéo dài hoặc từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Bên A / *Party B shall not be held responsible for the damages and/or complaints, disputes (if any) incurred by Party A or any related third party by virtue of Party B's performance of its rights as specified herein, including the delay or rejection to effect Party A's payment order;*
 - c) Có quyền lựa chọn sử dụng dịch vụ của Ngân hàng trung gian để thực hiện Lệnh chuyển tiền của Bên A và không chịu trách nhiệm về những tổn thất, thiệt hại nếu giao dịch bị trì hoãn, không được thực hiện do các nguyên nhân bất khả kháng hoặc do những sự cố nằm ngoài sự kiểm soát của Bên B. Trong trường hợp này, Bên B sẽ tích cực hỗ trợ Khách hàng trong việc liên hệ với Ngân hàng trung gian để giảm thiểu tổn thất, thiệt hại có thể phát sinh cho Khách hàng / *To select the service offered by an intermediary bank to execute Party A's payment order without any liability for losses or damages if the transaction is delayed or unable to execute for reason of force majeure events or otherwise beyond the control of Party B. In such case, Party*

B shall actively support customers in contacting the intermediary bank to mitigate the imminent losses or damages;

- d) Bằng văn bản này, Bên B được quyền tự động trích tiền (ghi nợ) bất kỳ tài khoản nào (tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và các tài khoản khác) của Bên A để thu phí sử dụng dịch vụ và phí xử lý giao dịch theo Biểu phí hiện hành của Bên B, và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có). Trường hợp tài khoản trích nợ không đủ tiền để Bên B thu phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) thì Bên A phải thanh toán đầy đủ ngay bằng các nguồn khác / *By this instrument, Party B is entitled to automatically deduct (debit) any accounts (current account, deposit account or otherwise) of Party A for collection of service charge and handling fee as per its prevailing fee schedule, and other financial obligations (if any). Where the debited account has insufficient balance for such collection, Party A shall promptly pay by other fund sources;*
- e) Bên B không chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại và/hoặc tranh chấp (kể cả thiệt hại và/hoặc tranh chấp xảy ra với bên thứ ba nếu có) liên quan đến việc Bên B thực hiện giao dịch theo lệnh chuyển tiền, hồ sơ, chứng từ giao dịch Bên A đã gửi qua kênh ngân hàng trực tuyến. Bên A xuất trình, cung cấp cho Bên B, bao gồm không giới hạn các cam kết của Bên A để được thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài tại Bên B; Bên A chịu trách nhiệm về các vấn đề này / *Party B assumes no responsibility in all damages and/or disputes (including those with any third party with regard to Party B's execution of the transaction against the remittance order, application and documents sent by Party A through online banking, including without limitation to its commitments for the overseas payment or remittance at Party B. Party A shall take responsibility in this regard.*
- Không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào khi xảy ra sự cố do lỗi vô ý/cố ý của cán bộ nhân viên của Bên A gây ra, hồ sơ, chứng từ thanh toán, chuyển tiền giả mạo, Bên A không cung cấp, hoặc cung cấp không đúng quy định, và/hoặc không tuân theo hướng dẫn, quy định của Bên B / *Party B shall not also be liable for intentional/unintentional mistakes caused by Party A's staff, fraudulent payment or remittance documents, non-provision or improper provision by Party A, and/or non-observance with Party B's guidelines and regulations;*
- f) Không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào phát sinh bởi việc không thể hủy bỏ, sửa đổi các giao dịch đã được Bên B thực hiện theo yêu cầu chuyển tiền của Bên A / *Not to be liable for any arisen damages due to inability to cancel or amend the remittance transactions effected by Party B to the order of Party A;*
- g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên A với Bên B không trái với quy định của pháp luật hiện hành / *Others as specified by law or previously agreed in writing between Party A and Party B which are not opposite to prevailing law.*

2. Nghĩa vụ của Bên B/Obligations:

- a) Hướng dẫn Bên A đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến và lập lệnh chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến / *To guide Party A to register for use of online banking service and prepare the order for overseas remittance via online banking;*
- b) Cung cấp cho Bên A tài liệu hướng dẫn thực hiện giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến (đăng trên website eximbank.com.vn hoặc tại các quầy giao dịch của Eximbank) và thực hiện tư vấn, hỗ trợ Bên A trong quá trình sử dụng dịch vụ / *To supply Party A with manuals for carrying out overseas outward remittance transactions via online banking (as posted on the website www.eximbank.com.vn or placed at Eximbank counters), and advise and assist Party A during the service usage;*
- c) Cung cấp cho Bên A thông tin và các chứng từ liên quan giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài bao gồm nhưng không giới hạn: truy vấn chi tiết lệnh chuyển tiền đã gửi, trạng thái giao dịch, giấy báo phát sinh giao dịch, giấy báo nợ/có, điện chuyển tiền ra nước ngoài / *To furnish Party A with information and documents relating to overseas outward remittance transactions, including but not limited to, details of the transmitted remittance order, transaction status, notice of transaction incurrence, credit/debit advice, and overseas remittance message;*
- d) Đảm bảo bí mật các thông tin liên quan đến giao dịch thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài của Bên A theo quy định của pháp luật / *To keep confidential the information relating to overseas payment and remittance transactions of Party A according to law;*
- e) Tuân thủ quy định pháp luật phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố / *To comply with the law on anti-money laundering and counter terrorist financing;*
- f) Bên B sẽ thanh toán lại cho Bên A số tiền thực tế mà Bên B nhận lại được từ ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giao dịch chuyển tiền không thực hiện được hoặc hủy theo yêu cầu của khách hàng / *Party B shall return to Party A the amount actually received from foreign banks in case the remittance transaction can't be proceeded or is cancelled at customer's request;*
- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hoặc theo thoả thuận trước bằng văn bản giữa Bên A và Bên B không trái với quy định pháp luật hiện hành / *Others as specified by law or previously agreed in writing between Party A and Party B which are not opposite to prevailing law.*

Điều 7: Bổ sung hồ sơ, chứng từ / Article 7: Provision of additional documents

1. Bổ sung chứng từ sau giao dịch / Document addition post transaction

Trong khoảng thời gian tối đa 05 ngày làm việc sau khi giao dịch chuyển tiền đã được xử lý thành công, Bên A cung cấp cho Bên B các hồ sơ, chứng từ giấy sau / *Within no more than 5 business days after the remittance transaction has been successfully processed, Party A shall provide Party B with the following documents:*

- a) Hồ sơ, chứng từ bản chính để Bên B lưu trữ / *Original documents for Party B's records:*
 - (i) Văn bản sao y, chứng thực các chứng từ, hợp pháp hóa lãnh sự phù hợp theo quy định gồm được lập, phát hành bởi các cơ quan chức năng, chuyên môn của Việt Nam hoặc nước ngoài (không bao gồm bộ chứng từ giao nhận hàng hóa) / *Certified photocopies of the documents duly consularized according to regulations, as prepared and issued by regulatory or professional agencies of Vietnam or foreign countries (not including the set of goods delivery and receipt documents);*
 - (ii) Các hồ sơ, chứng từ, giấy tờ khác theo quy định của Bên B / *Others as may be required by Party B.*
- b) Hồ sơ, chứng từ bản gốc/bản chính/bản sao y Bên A đã gửi đính kèm theo giao dịch để Bên B đối chiếu với chứng từ Bên B lưu trữ tại hệ thống ngân hàng trực tuyến / *Original/master/photocopied documents attached by Party A to the transaction for Party B's reconciliation with the ones kept by it on the online banking system:*
 - (i) Bản gốc hợp đồng hoặc các văn bản tương đương hợp đồng/ *Original contract or equivalent instruments;*
 - (ii) Bản gốc/bản sao y hoá đơn, tờ khai hải quan, vận tải đơn / *Original/photocopied invoice, customs declaration and bills of lading;*
 - (iii) Các giấy tờ khác theo quy định của Bên B / *Others as may be required by Party B.*

Sau khi đối chiếu khớp đúng, Bên B sẽ đóng dấu “Đã thanh toán” và ghi số tiền đã thanh toán lên chứng từ gốc và hoàn trả lại bộ chứng từ cho Bên A / *Once consistency is confirmed, Party B shall stamp “Paid” and specify the paid amount on original documents and return the same to Party A;*
- c) Trường hợp Bên A đã bổ sung chứng từ bản gốc/bản chính/bản sao y nhưng nội dung của bản gốc/bản chính/bản sao y không khớp đúng so với chứng từ đã gửi qua kênh ngân hàng trực tuyến, Bên B yêu cầu trực tiếp hoặc gọi điện xác nhận với Bên A về nội dung không trùng khớp; đồng thời, yêu cầu Bên A gửi lại hồ sơ đúng. Thời gian gửi lại hồ sơ bản gốc/bản chính trong trường hợp này là 3 ngày làm việc kể từ ngày xác nhận / *If the original/master/photocopied documents are found inconsistent with the ones sent via online banking, Party B shall directly request or call Party A for confirmation of the inconsistency, and ask Party A to supply the correct documents. The time for such re-sending is 3 business days from the date of confirmation;*

- d) Nếu hết thời hạn bổ sung chứng từ sau giao dịch, Bên A chưa bổ sung hồ sơ, chứng từ cho Bên B theo các quy định trên thì Bên B ngưng thực hiện các giao dịch chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến cho Bên A / *If Party A fails to provide the documents after the deadline for such supplementation, Party B shall suspend its execution of overseas outward remittance transactions via online banking for Party A;*
- e) Bên B có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) đơn phương chấm dứt Hợp đồng này nếu hết 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày hết thời hạn bổ sung chứng từ mà Bên A không thực hiện bổ sung đủ hồ sơ, chứng từ bản gốc/bản chính/bản sao y cho Bên B. Không phụ thuộc vào việc Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng, Bên A vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục hoàn thiện việc bổ sung chứng từ bản gốc/bản chính/bản sao y cho Bên B đối với các số tiền Bên B đã thực hiện cho đến khi đáp ứng được yêu cầu của Bên B và theo quy định của Hợp đồng này / *Party B has the right (not obligation) to unilaterally terminate this Agreement if Party A fails to additionally provide the original/master/photocopied documents to Party B 3 (three) business days after the deadline for such supplementation. Notwithstanding such unilateral termination, Party A is still bound to additionally provide Party B with the original/master/photocopied documents in respect of the amounts paid by Party B until meeting the requirements of Party and the provisions hereof;*
- f) Bên A và Bên B đồng ý rằng hồ sơ, chứng từ bản gốc/bản chính/bản sao y phải thống nhất về nội dung và hình thức so với hồ sơ, chứng từ bản scan đã đính kèm giao dịch, nếu không khớp đúng bất kỳ chi tiết nào thì chứng từ bản scan lưu trữ tại cơ sở dữ liệu của hệ thống Bên B sẽ là chứng từ hợp pháp duy nhất về giao dịch giữa hai bên; và mọi rủi ro, thiệt hại phát sinh từ việc sai sót này sẽ do Bên A chịu trách nhiệm. Khi có tranh chấp xảy ra việc giải quyết tranh chấp sẽ căn cứ vào các chứng từ lưu tại cơ sở dữ liệu của hệ thống Bên B / *Party A and Party B agree that the original/master/photocopied documents should be consistent in terms of substance and form with the scanned documents enclosed with the transaction. Otherwise, the scanned documents kept on Party B's database system shall be the only lawful evidences of the transaction between both parties; and all risks and damages arisen therefrom shall be borne by Party A. In case of disputes, their resolution shall rely on the documents stored in Party B's database system.*

2. Bổ sung tờ khai hải quan/Supply of customs declarations

- a) Trong trường hợp thanh toán ứng trước tiền hàng, Bên A cam kết bổ sung bản gốc/bản sao y tờ khai hải quan và các chứng từ liên quan sau khi nhận hàng (nếu có) cho Bên B chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày chuyển tiền / *In case of advance payment for goods, Party A undertakes to provide Party B with the master/true copy of the customs declarations and supporting documents upon goods receipt (if any) by no later than 90 days from the remittance;*

- b) Nếu không bổ sung đúng thời hạn nêu trên, Bên A cam kết gửi văn bản giải trình cho Bên B hoặc chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc chậm trễ hoặc không bổ sung đầy đủ các hồ sơ, chứng từ trên / *Otherwise, Party A should make written explanation to Party B or be fully responsible to law for its delayed provision or non-provision of the said documents.*

Điều 8: Phí dịch vụ / *Article 8: Service charges*

1. Phí chuyển tiền ra nước ngoài (bao gồm điện phí, phí chuyển tiền, phí trả ngân hàng nước ngoài và các loại phí có liên quan khác theo quy định của pháp luật) theo biểu phí của Eximbank trong từng thời kỳ / *Overseas remittance fees (incl. cable fee, remittance fee, fee payable to foreign banks and other relevant fees in accordance with law) as per the schedule of fees published by Eximbank from time to time;*
2. Bên A đảm bảo tài khoản thanh toán đủ số dư để trả phí. Trường hợp tài khoản trích nợ không đủ tiền để Bên B thu phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) thì Bên A phải thanh toán đầy đủ ngay bằng các nguồn khác / *Party A shall ensure sufficient account balance for fee payment. In case the deducted account has insufficient balance for Party B's collection of fees and other financial obligations (if any), Party A shall promptly pay by other fund sources;*
3. Bên B được chủ động trích tiền (ghi nợ) bất kỳ tài khoản nào (tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi và các tài khoản khác) của Bên A để thu phí sử dụng dịch vụ và phí xử lý giao dịch theo Biểu phí hiện hành của Eximbank, và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) / *Party B has the right to deduct (debit) any accounts (current account, deposit account and otherwise) of Party A for collection of service charges and transaction handling fees as per the fee schedule of Eximbank, and other financial obligations (if any).*

Điều 9: Tiếp nhận, xử lý tra soát, khiếu nại / *Article 9: Receipt and handling of investigation requests and claims*

1. Bên B thực hiện tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của Bên A trong quá trình sử dụng dịch vụ, đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà Bên A cung cấp cho Bên B tuân thủ các nguyên tắc sau / *Party B receives requests for investigation and claims from Party A during the service usage, and verifies the fundamental information provided by Party A to Party B in the following principles:*
 - a) Hình thức tiếp nhận: qua tổng đài điện thoại có ghi âm và qua các quầy giao dịch của Bên B / *Form of receipt: through call center with recordings and at transaction counters of Party B;*
 - b) Bên A sử dụng giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu của Bên B trong trường hợp khiếu nại bằng văn bản / *Party A shall use the form for investigation request or claim as provided by Party B if making complaints in writing;*

- c) Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, Bên A thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền / *In case of authorizing others to make request for investigation or claim, Party A shall observe the law on authorization;*
2. Thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại / *Time for handling investigation requests and claims:*
- Bên B xử lý tra soát, khiếu nại của Bên A trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tra soát, khiếu nại lần đầu của Bên A theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này / *Party B shall handle Party A's investigation requests or claims within no more than 30 business days upon first receipt of the same in one of the forms set out in clause 1 of this Article;*
3. Trường hợp Bên A, Bên B và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật / *In case Party A, Party B and concerned parties fail to reach an agreement and/or disagree with the investigation or claim handling process, the dispute shall be settled in accordance with law.*
4. Bên B được miễn trách nhiệm bồi hoàn tổn thất cho Bên A trong các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, địch họa, chiến tranh / *Party B is exempted from the liability of indemnification to Party A in force majeure events as specified by law, including without limitation to natural disasters, sabotage, war, etc.*

Điều 10: Quy định về bất khả kháng / Article 10: Force majeure

1. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết hợp đồng như: động đất, bão, lốc, lũ, lụt, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh. Bất khả kháng không bao gồm sự sơ suất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng / *Force majeure is an unsustainable event of risk when it occurs and can't be foreseen prior to the agreement execution, including earthquake, storm, cyclone, flood, tsunami, landslide, volcano eruption, war, or epidemic; except for the negligence or wilful misconduct of either party, or any incident which one party may have expected at the time of contract signing and avoided (or remedied) during the contract performance.*
2. Việc Bên A hoặc Bên B không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của Hợp đồng này / *Any non-fulfillment of obligations by Party A or Party*

B shall not be deemed a breach for force majeure causes, providing that the affected party has applied the countermeasures as mentioned herein.

3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng / *Steps to follow in case of force majeure:*
 - a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 01 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất / *The affected party shall take actions to fulfill the contractual obligations in the soonest time and keep the other informed of the force majeure event as soon as possible and in all circumstances, no longer than 01 day from its occurrence, provide proofs of the nature and causes, and make remedy when normal conditions have resumed in the earliest time;*
 - b) Bên A/Bên B sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra / *Party A/Party B shall make the best efforts to mitigate the damages caused by force majeure events;*
 - c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, Bên A/Bên B sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình / *In force majeure cases, Party A/Party B shall extend the contract performance for the same period as the duration of the force majeure event under which the affected party is unable to perform its contractual obligations;*
 - d) Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng kéo dài trên 15 ngày liên tục mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc thì tùy vào thoả thuận của mình, các Bên có thể chấm dứt Hợp đồng trước hạn nhưng phải thông báo cho Bên còn lại tối thiểu trước 03 ngày kể từ ngày dự kiến chấm dứt Hợp đồng / *Where the force majeure event lasts for more than 15 days but the efforts made by one or both parties come up with no result and the work is required to stop, the Parties may, subject to their own agreement, early terminate the Agreement upon a notice to the other party at least 3 days prior to the intended date of termination.*

Điều 11: Giải quyết tranh chấp / Article 11: Dispute settlement

1. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến cung cấp và sử dụng dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến thì Bên A và Bên B trước hết sẽ cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp thương lượng, hoà giải không thành, Bên A và Bên B có quyền đưa tranh chấp đó ra toà án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết / *In case of any dispute pertaining to the*

supply and use of overseas outward remittance via online banking, Party A and Party B shall first settle by negotiation and meditation. Failing such, either Party A and Party B has the right to refer such dispute to a competent court in Vietnam for resolution.

2. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh tại “Giấy đề nghị dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến” và “Điều kiện, điều khoản dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” thì Tiếng Việt là ngôn ngữ chính và là căn cứ pháp lý để giải quyết tranh chấp / *In case of any difference between the Vietnamese and English versions of the “Application for Overseas outward remittance via online banking” and “Terms and Conditions on Overseas outward remittance via online banking”, the Vietnamese shall prevail.*

Điều 12: Điều khoản chấm dứt dịch vụ / Article 12: Service termination

1. Dịch vụ sẽ chấm dứt theo một trong các trường hợp sau / *The service shall be terminated in one of the following circumstances:*
 - a) Bên B có yêu cầu chấm dứt sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến theo mẫu “Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến” / *Termination of online banking services at Party B’s request as per the form “Application of use of online banking services”;*
 - b) Bên B có yêu cầu chấm dứt sử dụng dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến theo mẫu “Giấy đăng ký dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” / *Termination of overseas outward remittance via online banking at Party B’s request as per the form “Application of Overseas outward remittance via online banking”;*
 - c) Bên A có văn bản yêu cầu chấm dứt dịch vụ / *Termination of service use at Party A’s request; or*
 - d) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc các Bên chấm dứt dịch vụ này; hoặc / *Termination at the decision of competent State authorities which is bound to the parties;*
 - e) Bên A vi phạm bất kỳ cam kết và/hoặc nghĩa vụ với Bên B theo đề nghị của Bên B, theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng dịch vụ trực tuyến hoặc “Giấy đăng ký dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” kèm “Điều kiện, điều khoản dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” / *Party A’s violation of any commitments and/or obligations with Party B at the request of Party B, as per the agreement between both parties in the Agreement on online service or the “Application for Overseas outward remittance via online banking” together with “Terms and Conditions on Overseas outward remittance via online banking”;*

- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật / *Others as specified by law.*
2. Khi chấm dứt sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến thì đồng thời chấm dứt dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến. Việc yêu cầu chấm dứt sử dụng dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến theo mẫu “Giấy đăng ký dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” kèm “Điều kiện, điều khoản dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” không làm ảnh hưởng đến các dịch vụ ngân hàng trực tuyến khác Bên A đã đăng ký sử dụng tại “Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến” / *Upon termination of online banking services, the overseas outward remittance service shall terminate accordingly. The request for termination of the overseas outward remittance via online banking as per the form “Application for Overseas outward remittance via online banking” together with “Terms and Conditions on Overseas outward remittance via online banking” shall not prejudice other online banking services registered for use by Party A in the “Application for Online banking services”.*
3. Bất kỳ Bên nào cũng có quyền đơn phương chấm dứt dịch vụ này và phải có thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại ít nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc trước ngày dự kiến chấm dứt / *Either Party is entitled to unilaterally terminate this service upon a written notice to the other party by not less than 30 (thirty) business days prior to the intended date of termination.*
4. Trong các trường hợp chấm dứt này, các Bên vẫn tiếp tục có trách nhiệm giải quyết thanh toán các khoản phải trả và các vấn đề tồn đọng phát sinh giữa các Bên cho tới ngày chấm dứt theo đúng các nội dung đã cam kết tại văn bản này / *In case of termination, the Parties are still responsible for paying the due amounts and settling mutual outstanding issues until the termination date as per the commitments set out herein.*

Điều 13: Điều khoản thực hiện / Article 13: Implementation

1. “Điều kiện, điều khoản dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến” này sẽ được đính kèm trên “Giấy đề nghị dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến” dành cho khách hàng tổ chức, có hiệu lực từ thời điểm có sự xác nhận sau cùng giữa Bên A và Bên B cho đến khi có yêu cầu chấm dứt dịch vụ; và/hoặc chấm dứt theo quy định tại Điều 12 Hợp đồng này / *This “Terms & Conditions on Overseas outward remittance via online banking” shall be enclosed with the “Application for Overseas outward remittance via online banking” applicable to institutional customers and effective from the date of last confirmation by Party A and Party B until there is a request for service termination, and/or in case of termination according to Article 12 hereof.*

2. Bên A xác nhận rằng đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và chịu trách nhiệm tuân thủ các nội dung có liên quan của Bên B về dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài kênh ngân hàng trực tuyến, quy định tại “Giấy đề nghị dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” kèm theo “Điều kiện, điều khoản dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài qua kênh ngân hàng trực tuyến” và quy định của pháp luật hiện hành / *Party A acknowledges to have read, thoroughly understood, agrees and undertakes to duly perform relevant regulations of Party B on overseas outward remittance via online banking as stated in the “Application for Overseas outward remittance via online banking” and “Terms and Conditions on Overseas outward remittance via online banking” and prevailing law.*